

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Câu 1: Nêu hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH? Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời CNXHKKH? Ý nghĩa của sự ra đời CNXHKKH đối với phong trào công nhân?

Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Theo nghĩa rộng: CNXHKKH là chủ nghĩa Mác- Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế chính trị học và chính trị- xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.
- Theo nghĩa hẹp: CNXHKKH là một trong 3 bộ phận tập hợp thành của Chủ nghĩa Mác- Lênin.

1. Điều kiện kinh tế - xã hội:

- Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc gây ra mâu thuẫn giữa LLSX mang tính chất xã hội hóa với QHSX dựa trên chế độ chiếm hữu về TLSX. Biểu hiện về mặt xh là mâu thuẫn GCCN và GCTS.
- Nhiều phong trào đấu tranh của GCCN đã nổ ra. GCCN xuất hiện với tư cách một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. GCCN đòi hỏi phải có lý luận CM, KH dẫn đường. Đây chính là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời của CNXHKKH.

2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận:

§ Tiền đề khoa học tự nhiên

- Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: *Học thuyết Tiến hóa* (1859) của Charles Robert Darwin ; *Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng* (1842-1845), của Mikhail Vasilyevich Lomonosov và Julius Robert Mayer ; *Học thuyết tế bào* (1838-1839) của Matthias Jakob Schleiden và Theodor Schwamm

=> Là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị- xã hội đương thời.

§ Tiền đề tư tưởng lý luận:

- Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận: triết học cổ điển Đức của Ph.Hêghen và L. Phoiobắc ; kinh tế chính trị học cổ điển Anh của A.Smith và D.Ricardo ; chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp của Xanh Ximông , S.Phuriê và R.O-en

=> Tiền đề lý luận trực tiếp cho sự ra đời CNXHKKH.

Ý nghĩa cho sự ra đời CNXHKKH đối với phong trào công nhân:

- Sự ra đời của CNXHKKH làm cho giai cấp công nhân hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ.
- CNXHKKH trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người, đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo của quá trình đó là giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử của mình là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.
- CNXHKKH đã đặt ra lý luận cách mạng, khoa học dẫn đường cho phong trào GCCN trong vụ đấu tranh với GCTS.
- Giúp phong trào công nhân có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá chủ nghĩa xã hội

Câu 2: Nêu hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH? Phân tích tiền đề khoa học và tư tưởng lý luận cho sự ra đời CNXHKKH? Ý nghĩa của sự ra đời CNXHKKH đối với phong trào công nhân?

Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Theo nghĩa rộng: CNXHKKH là chủ nghĩa Mác- Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế chính trị học và chính trị- xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.
- Theo nghĩa hẹp: CNXHKKH là một trong 3 bộ phận tập hợp thành của Chủ nghĩa Mác- Lênin.

1. Điều kiện kinh tế - xã hội:

- Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc gây ra mâu thuẫn giữa LLSX mang tính chất xã hội hóa với QHSX dựa trên chế độ chiếm hữu về TLSX. Biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn GCCN và GCTS.
- Nhiều phong trào đấu tranh của GCCN đã nổ ra. GCCN xuất hiện với tư cách một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. GCCN đòi hỏi phải có lý luận CM, KH dẫn đường. Đây chính là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời của CNXHKKH.

2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận:

§ Tiền đề khoa học tự nhiên

- Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: *Học thuyết Tiến hóa* (1859) của Charles Robert Darwin ; *Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng* (1842-1845), của Mikhail Vasilyevich Lomonosov và Julius Robert Mayer ; *Học thuyết tế bào* (1838-1839) của Matthias Jakob Schleiden và Theodor Schwamm

=> Là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị- xã hội đương thời.

§ Tiền đề tư tưởng lý luận:

- Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận: *triết học cổ điển Đức* của Ph.Hêghen và L. Phoiobắc ; *kinh tế chính trị học cổ điển Anh* của A.Smith và D.Ricardo ; *chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp* của Xanh Ximông , S.Phuriê và R.O-en

=> Tiền đề lý luận trực tiếp cho sự ra đời CNXHKKH.

Ý nghĩa cho sự ra đời CNXHKKH đối với phong trào công nhân:

- Sự ra đời của CNXHKKH làm cho giai cấp công nhân hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ.

- CNXHKKH trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người, đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo của quá trình đó là giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử của mình là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

- CNXHKKH đã đặt ra lý luận cách mạng, khoa học dẫn đường cho phong trào GCCN trong vụ đấu tranh với GCTS.

- Giúp phong trào công nhân có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Nêu vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của CNXHKKH? Phân tích nội dung 3 phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen? Giá trị đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời CNXHKKH?

1, Vai trò của Các Mác và Ph.Ăngghen

*** Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị**

***Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học (2/1848)**

*** Ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph.Ăngghen:**

- **Chủ nghĩa duy vật lịch sử**

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen; là cơ sở về mặt triết học để nghiên cứu xã hội tư bản chủ nghĩa và khẳng định sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu như nhau.

- *Học thuyết về giá trị thặng dư*

Học thuyết giá trị thặng dư, phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen, là sự luận chứng khoa học về phương diện kinh tế khẳng định cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản diễn ra ngay từ đầu và sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

- *Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân*

Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Với phát kiến thứ ba, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng-phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị-xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

2, Giá trị đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời CNXHKKH

➤ C.Mác đã nêu ra hai phát kiến vĩ đại đó là: chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư. "Nhờ hai phát kiến ấy, CNXH đã trở thành khoa học". Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời không phải do tưởng tượng, ước mơ mà là kết quả tất yếu trong sự phát triển của CNTB, của tư duy lý luận có cơ sở khoa học.

➤ Mác, Ăngghen đã biến chủ nghĩa xã hội không tưởng trở thành khoa học. Mác và Ăngghen đã có những đóng góp to lớn trong việc cung cấp những luận cứ thuyết phục để biến CNXH từ không tưởng trở thành CNXHKKH.

- Với chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ăngghen đã cung cấp cho giai cấp công nhân 'vũ khí' lý luận, chỉ rõ vị thế và vai trò của họ trong sự phát triển của lịch sử.

- Trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, các ông cũng chỉ ra con đường dẫn dắt giai cấp công nhân đấu tranh giải phóng thoát khỏi sự nô dịch và bóc lột TBCN và tiến tới xây dựng CNXH và CNCS. Chính vì vậy, Lênin đã đặc biệt nhấn mạnh rằng: điều quan trọng nhất trong học thuyết Mác là việc làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản với tư cách là người xây dựng, kiến tạo xã hội mới. Và đã trải qua 3 giai đoạn để đi lên CNXH:

+ Giai đoạn thứ nhất: mầm mống và khuynh hướng tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại.

+ Giai đoạn thứ hai: Tư tưởng XHCN từ thế kỉ XV đến thế cuối thế kỉ XVIII.

+ Giai đoạn thứ ba: Chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đầu thế kỷ XIX

Câu 4: Nêu vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học? Phân tích nội dung sự chuyển biến về lập trường triết học và lập trường chính trị? Ý nghĩa của sự chuyển biến về lập trường triết học và lập trường chính trị?

1. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời CNXHKKH:

- Sự chuyển biến lập trường Triết học và lập trường chính trị.
- Các phát kiến vĩ đại của Mác và Ăngghen (3 phát kiến).
 - + Chủ nghĩa duy vật Lịch sử
 - + Học thuyết về giá trị thặng dư
 - + Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thể giới của Giai cấp công nhân.
- Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXHKKH.

2. Nội dung sự chuyển biến về lập trường Triết học và lập trường chính trị.

- Chịu ảnh hưởng bởi quan điểm Triết học của Hêghen và Phoiobac, qua đó cũng thấy được những mặt hạn chế của tư tưởng triết học Hêghen mà ở đây là dựa trên cơ sở triết học duy tâm.
- Thấy được sự bất hợp lý và có sự thay đổi về lập trường triết học là chuyển từ lập trường triết học duy tâm sang lập trường triết học duy vật, kế thừa cái hạt nhân hợp lý, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, xây dựng lý thuyết mới: Chủ nghĩa duy vật Biện chứng.
- 1843-1848: Quá trình chuyển biến lập trường triết học và chính trị của Mác và Ăngghen.
- Các tác phẩm Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844; Gia đình thần thánh; Luận cương về Phoiobac; Hệ tư tưởng Đức; Sự khốn cùng của triết học và Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu chủ nghĩa Mác đã được trình bày chính thể với các quan điểm lý luận nền tảng của ba bộ phận hợp thành, thể hiện từng bước sự đề xuất, khẳng định vai trò của triết học trong đời sống xã hội.

→ Trong một khoảng thời gian vừa gần nghiên cứu lý luận với hoạt động thực tiễn thì Mác và Ăngghen đã có sự chuyển biến về lập trường triết học và lập trường chính trị. Từ đó giúp các ông khẳng định một cách dứt khoát, kiên định và nhất quán tư tưởng này. Nếu không có chuyển biến này thì sẽ không có Chủ nghĩa Mác sau này.

3. Ý nghĩa sự chuyển biến: Các ông đã khẳng định vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội, coi đó là điểm xuất phát để nghiên cứu xã hội, chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; đề cập mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; thừa nhận sự phát triển của xã hội là mang tính khách quan tư tưởng của Ph. Ăng-ghen và C. Mác luôn có vai trò chỉ đạo đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

Câu 5: Nêu vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học? Phân tích nội dung sự ra đời của tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”? Giá trị của tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” đối với sự ra đời của CNXHKKH?

1. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời CNXHKKH:

- Sự chuyển biến lập trường Triết học và lập trường chính trị.
- Các phát kiến vĩ đại của Mác và Ăngghen (3 phát kiến).
 - + Chủ nghĩa duy vật Lịch sử
 - + Học thuyết về giá trị thặng dư
 - + Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của Giai cấp công nhân.
- Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXHKKH.

2. *Nội dung sự ra đời của tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”:*

- Sự ra đời:

- + Giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến trình độ khá cao, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dẫn đến cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân diễn ra ở nhiều nước trên thế giới.
- + Các tư tưởng chủ nghĩa xã hội đang trong quá trình chuyển biến từ không tưởng trở thành khoa học, thời kỳ chủ nghĩa xã hội khoa học đấu tranh với các trào lưu tư tưởng lỗi thời, phản động đang thâm nhập và cản trở phong trào công nhân.
- + Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản phát triển mạnh mẽ và hướng tới thành lập tổ chức quốc tế: Tổ chức công nhân quốc tế mang tên “Liên đoàn những người chính nghĩa” ra đời năm 1836, tại Luân Đôn. Mùa hè năm 1847, Đại hội lần thứ nhất của Liên đoàn đã đổi tên “Liên đoàn những người chính nghĩa” thành “Liên đoàn những người cộng sản”. Tháng 12-1847, Liên đoàn họp Đại hội lần thứ hai, C.Mác và Ph.Ăngghen được ủy thác soạn thảo Cương lĩnh dưới hình thức một bản tuyên ngôn. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (sau đây viết tắt là TNĐCS) được hoàn thành trong thời gian rất ngắn và công bố vào ngày 24-2-1848. TNĐCS lần đầu tiên được xuất bản tại Luân Đôn, ít lâu sau, được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng khác nhau ở nhiều nước trên thế giới.

- Nội dung bản Tuyên ngôn: tác phẩm gồm 4 chương:

- + **Chương I:** Những người tư sản và những người vô sản: phân tích quá trình phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản, từ đó rút ra kết luận quan trọng: Sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản đều là tất yếu. Giai cấp vô sản có sứ mệnh lịch sử dẫn đầu các giai cấp và tầng lớp lao động bị áp bức bóc lột tiến hành công cuộc cải tạo xã hội tư bản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa
- + **Chương II:** Những người vô sản và những người cộng sản: phân tích mối quan hệ giữa giai cấp vô sản và Đảng cộng sản; vạch rõ tính chất, nhiệm vụ trước mắt, mục đích cuối cùng, những phương hướng và giải pháp để thực hiện những nhiệm vụ và mục đích ấy; đồng thời bác bỏ những lời vu khống, xuyên tạc của giai cấp tư sản đối với những người cộng sản.
- + **Chương III:** Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa: bác bỏ, phê phán các trào lưu tư tưởng phản động và các trào lưu tư tưởng bảo thủ, nhằm làm rõ sự khác biệt căn bản về mặt lý luận, quan điểm giữa những người cộng sản và các trào lưu đó, làm nổi bật sự khác biệt căn bản về mặt quan điểm, lý luận giữa các trào lưu tư tưởng phản động, bảo thủ với quan điểm lý luận của những người cộng sản.
- + **Chương IV:** Thái độ của những người cộng sản với các đảng đối lập: về lập trường cách mạng triệt để, tư tưởng cách mạng không ngừng, sách lược liên minh đoàn kết và đấu tranh

của những người cộng sản đối với các đảng dân chủ tư sản và tiểu tư sản là những đảng đối lập với các thế lực phản động cầm quyền trong thời kỳ đó ở nhiều nước.

3. Giá trị của tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” đối với sự ra đời của CNXHKKH:

Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” ra đời không những là sản phẩm của trình độ chín muồi của những điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội đương thời mà còn là sự kết tinh những tinh hoa trí tuệ loài người, là công lao sáng tạo của C.Mác và Ph.Ăngghen.

Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đánh dấu một bước chuyển lịch sử của phong trào công nhân quốc tế: Kể từ đây, giai cấp công nhân với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập, giai cấp vô sản hiện đại tiến hành cuộc đấu tranh tự giải phóng, đồng thời giải phóng cho nhân loại vĩnh viễn thoát khỏi tình trạng áp bức và bóc lột giai cấp.

Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” ra đời không chỉ là cương lĩnh của tổ chức “Liên đoàn những người cộng sản” là một tác phẩm lý luận, mà còn là bản cương lĩnh cách mạng đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là ngọn cờ dẫn dắt con đường cách mạng thế giới.

Chủ đề 6: Nêu các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXH khoa học? Phân tích giai đoạn C.Mác và Ăngghen phát triển CNXHKKH? Ý nghĩa về lý luận của giai đoạn này với sự phát triển CNXHKKH?

• Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

-Thời kỳ từ đầu năm 1848 đến Công xã Pari (1871)

Đây là thời kỳ diễn ra nhiều sự kiện cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848 – 1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: “Từ khi bộ Tư bản ra đời – quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra được một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và phát triển của một hình thái xã hội nào đó – của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa... thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ đồng nghĩa với chủ nghĩa khoa học”.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848 – 1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng cách kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân; tư tưởng xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

-Thời kỳ sau công xã Pari đến năm 1895:

- Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Paris, C.Mác và Ăng-ghe-n khẳng định nhiệm vụ của cách mạng là đập tan bộ máy nhà nước quan liêu; đồng thời thừa nhận Công xã Paris là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân.

- Khẳng định sự ra đời phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học bắt nguồn từ chủ nghĩa xã hội không tưởng, đánh giá cao vai trò của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh, Pháp.

- Nhiệm vụ nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành nhiệm vụ ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ.

- C.Mác và Ăng-ghe-n chỉ rõ học thuyết của mình chỉ là những “gợi ý” cho những suy nghĩ và hành động; vì vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử mới. **Giai đoạn C.Mác và Ăngghen phát triển CNXHKKH:**

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n tiếp tục phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học (1848 – 1895)

- Sau “Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản”, C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục bổ sung, phát triển thêm nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và phong trào cộng sản, đặc biệt là cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp và Đức trong thời kỳ 1848 – 1851, qua theo dõi, chỉ đạo và tổng kết kinh nghiệm của Công xã Pari (1871), hai ông đã viết nhiều tác phẩm và thông qua các tác phẩm, hai ông đã nêu lên những luận điểm hết sức quan trọng, làm phong phú thêm chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là những luận điểm sau:

+ Giai cấp công nhân chỉ có thể chiến thắng giai cấp tư sản trên cơ sở đập tan bộ máy nhà nước tư sản và kịp thời trấn áp những hành động phục hồi của chúng.

+ Cuộc đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản và bản thân nền chuyên chính đó cũng chỉ là bước quá độ để tiến lên xây dựng một xã hội không có giai cấp.

+Giai cấp công nhân chỉ có thể giành được thắng lợi khi có được sự lãnh đạo của một chính đảng được vũ trang bằng lý luận khoa học.

+Liên minh công – nông là điều kiện cần phải có để đưa cách mạng đến thắng lợi.

+ Trình bày về tư tưởng cách mạng không ngừng: về chiến lược, sách lược đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân; về sự lựa chọn các phương pháp và hình thức đấu tranh trong từng thời kỳ phát triển cách mạng; về các vấn đề xã hội – chính trị mà cách mạng xã hội chủ nghĩa phải giải quyết;...

Ý nghĩa của sự phát triển đó trong lý luận CNXHKKH

Trong thực tiễn vận động và phát triển không ngừng của đời sống xã hội, lý luận khoa học thể hiện trình độ phản ánh thế giới, trình độ giải phóng của con người, có giá trị chỉ đạo, định hướng hoạt động của con người. Đối với Việt Nam mỗi bài học thành công hay thất bại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đều có nguyên nhân sâu xa từ vấn đề nhận thức và vận dụng lý luận khoa học.

Với sự kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, Việt Nam đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội (CNXH), về con đường đi lên CNXH vào thực tiễn đất nước từ

những năm 30 của thế kỷ XX. 92 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trung thành bảo vệ, vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận CNXH khoa học để xây dựng CNXH trong thực tiễn, lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Nhờ đó, đất nước ta được giải phóng, nhân dân ta được là chủ, được làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; nhân dân không ngừng được nâng cao về trình độ dân trí, dân quyền, đấu tranh bền bỉ xóa bỏ nhiều tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, chống lại lối sống chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, những âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ hệ tư tưởng cách mạng, tiến bộ, nhân văn; xây dựng được cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của CNXH – mà mới đây nhất Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Không có lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng”. Bài học thành công của hơn 35 năm đổi mới đất nước cho thấy chỉ có nắm vững lý luận và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH, con đường đi lên CNXH mới có khả năng phân tích đúng đắn đặc điểm tình hình cách mạng, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phát hiện quy luật phát triển của cách mạng, từ đó đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn.

Chủ đề 7: Nêu các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH? Phân tích giai đoạn V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới? Ý nghĩa của sự phát triển đó trong lý luận của CNXHKKH?

• Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

-Thời kỳ từ đầu năm 1848 đến Công xã Pari (1871)

Đây là thời kỳ diễn ra nhiều sự kiện cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848 – 1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: “Từ khi bộ Tư bản ra đời – quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra được một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và phát triển của một hình thái xã hội nào đó – của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa... thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ đồng nghĩa với chủ nghĩa khoa học”.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848 – 1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng cách kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân; tư tưởng xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

-Thời kỳ sau công xã Pari đến năm 1895:

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển toàn diện chủ nghĩa xã hội khoa học: Bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu,

không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân, rút cuộc, đã tìm ra.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong tác phẩm “Chống Duyrinh” (1878), Ph.Ăngghen đã luận chứng sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học và đánh giá công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp. Sau này, V.I.Lênin, trong tác phẩm “Làm gì?” (1902) đã nhận xét: “chủ nghĩa xã hội lý luận Đức không bao giờ quên rằng nó dựa vào Xanhximông, Phuriê và Ô-oen. Mặc dù các học thuyết của ba nhà tư tưởng này có tính chất ảo tưởng, nhưng họ vẫn thuộc vào hàng ngũ những bậc trí tuệ vĩ đại nhất. Họ đã tiên đoán được một cách thiên tài rất nhiều chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học”.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học: “Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản”.

C.Mác và Ph.Ăngghen yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Mặc dù, với những cống hiến tuyệt vời cả về lý luận và thực tiễn, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động. Trong Lời nói đầu viết cho tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850 của C.Mác, Ph.Ăngghen đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm về dự báo khả năng nổ ra của những cuộc cách mạng vô sản ở châu u, vì lẽ “Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”. Đây cũng chính là “gợi ý” để V.I.Lênin và các nhà tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân sau này tiếp tục bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Đánh giá về chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin chỉ rõ: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác”.

● **V. I. Lênin phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong hoàn cảnh lịch sử mới:**

- Vladimira Ilích Lênin (1870 – 1924) là người kế tục một cách xuất sắc sự nghiệp vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen. Ông vừa bảo vệ sự trong sáng, vừa phát triển toàn diện và làm giàu thêm lý luận chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Ông là người mác xít đầu tiên vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn đấu tranh xây dựng chính quyền cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cải tạo xã hội cũ và bắt đầu xây dựng một xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực. Ông là lãnh tụ của giai cấp công nhân Nga và quốc tế, người sáng lập Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Xô Viết.

- Sự phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học của V. I. Lênin được chia thành hai thời kỳ cơ bản:
- Trước Cách mạng Tháng Mười Nga: Trên cơ sở những di sản lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen, V. I. Lênin đã xây dựng một hệ thống lý luận mang tính nguyên tắc

V.I.Lênin là người có công lớn biến CNXH từ lý luận thành thực tiễn. Trong quá trình tồn tại của mình, CNXH khoa học ngay từ khi ra đời đã bị các lực lượng thù địch, bọn cơ hội, phi Mác – xít tấn công dưới nhiều hình thức hòng xóa bỏ làm mất đi tính khoa học, cách mạng của nó. Bên cạnh đó từ sai lầm đường lối, chủ quan duy ý chí của Đảng Cộng sản các nước Đông Âu và Liên Xô trước đây làm cho CNXH hiện thực từ một hệ thống trở thành “bị thoái trào, khủng hoảng” chỉ còn lại bốn nước.

Chủ đề 8: Nêu các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH? Phân tích sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin đến nay? Ý nghĩa của sự phát triển đó trong lý luận của CNXHKKH? Liên hệ với việc nhận thức ý nghĩa của môn học đối với sinh viên?

• **Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học**

-Thời kỳ từ đầu năm 1848 đến Công xã Pari (1871)

Đây là thời kỳ diễn ra nhiều sự kiện cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848 – 1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: “Từ khi bộ Tư bản ra đời – quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra được một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và phát triển của một hình thái xã hội nào đó – của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa... thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ đồng nghĩa với chủ nghĩa khoa học”.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848 – 1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học: Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng cách kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân; tư tưởng xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

-Thời kỳ sau công xã Pari đến năm 1895:

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển toàn diện chủ nghĩa xã hội khoa: Bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân, rút cuộc, đã tìm ra.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong tác phẩm “Chống Duyrinh” (1878), Ph.Ăngghen đã luận chứng sự phát triển của

chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học và đánh giá công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp. Sau này, V.I.Lênin, trong tác phẩm “Làm gì?” (1902) đã nhận xét: “chủ nghĩa xã hội lý luận Đức không bao giờ quên rằng nó dựa vào Xanhximông, Phuriê và Ô-oen. Mặc dù các học thuyết của ba nhà tư tưởng này có tính chất ảo tưởng, nhưng họ vẫn thuộc vào hàng ngũ những bậc trí tuệ vĩ đại nhất. Họ đã tiên đoán được một cách thiên tài rất nhiều chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học”.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học:

“Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản”.

C.Mác và Ph.Ăngghen yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Mặc dù, với những cống hiến tuyệt vời cả về lý luận và thực tiễn, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động. Trong Lời nói đầu viết cho tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850 của C.Mác, Ph.Ăngghen đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm về dự báo khả năng nổ ra của những cuộc cách mạng vô sản ở châu u, vì lẽ “Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”. Đây cũng chính là “gợi ý” để V.I.Lênin và các nhà tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân sau này tiếp tục bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Đánh giá về chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin chỉ rõ: “Học thuyết của Mác là học thuyết vận năng vì nó là một học thuyết chính xác”.

● **Phân tích sự vận dụng và sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin đến nay:**

- *Thời kỳ từ năm 1924 đến năm trước năm 1991:*

Sau khi Lênin qua đời, đời sống chính trị thế giới chứng kiến nhiều thay đổi. Chiến tranh thế giới thứ Hai diễn ra do các thế lực khủng bố gây nhiều hậu quả cực kỳ khủng khiếp cho nhân loại. Trong phe Đồng minh chống phát xít, Liên Xô góp phần quan trọng trong việc đánh tan quân phát xít, chấm dứt chiến tranh, cứu nhân loại khỏi thảm họa diệt vong và tạo điều kiện cho hệ thống xã hội chủ nghĩa phát triển.

- *Nội dung cơ bản:*

Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Mátxcova tháng 11/1957 đã tổng kết và thông qua 9 quy luật chung của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội

Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Mátxcova tháng Giêng năm 1960 đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”, xác định nhiệm vụ hàng đầu của Đảng Cộng sản và công

nhân thế giới là bảo vệ hòa bình ngăn chặn đế quốc phát động chiến tranh. Hội nghị thông qua nhiều văn kiện quan trọng. Sau hội nghị Matxơ va (1960), hoạt động lý luận của Đảng cộng sản và công nhân được tăng cường. Tuy nhiên, phong trào công nhân đấu tranh gay gắt.

- *Từ năm 1991 đến nay:*

Đến cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp bên trong và bên ngoài, mô hình chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống chủ nghĩa xã hội đứng trước nhiều thách thức. Chỉ còn 1 số nước còn tồn tại và một số nước có xu hướng tiếp tục phát triển nên chủ nghĩa xã hội

Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ thành công trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc mà còn đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung, chủ nghĩa khoa học nói riêng, đó là:

- + Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- + Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững điều kiện về chính trị tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phát triển kinh tế xã hội, gắn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng là khâu then chốt.
- + Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò kiến tạo, quản lý nhà nước. Xây dựng và phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn bản sắc dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái
- + Phát huy dân chủ xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân
- + Mở rộng phát huy khối đại đoàn kết dân tộc
- + Mở rộng quan hệ ngoại giao, thực hiện hội nhập quốc tế, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới
- + Giữ vững và tăng cường vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quan trọng hàng đầu đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

Ý nghĩa của sự phát triển đó trong lý luận CNXH

Trong thực tiễn vận động và phát triển không ngừng của đời sống xã hội, lý luận khoa học thể hiện trình độ phản ánh thế giới, trình độ giải phóng của con người, có giá trị chỉ đạo, định hướng hoạt động của con người. Đối với Việt Nam mỗi bài học thành công hay thất bại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đều có nguyên nhân sâu xa từ vấn đề nhận thức và vận dụng lý luận khoa học.

Với sự kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, Việt Nam đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội (CNXH), về con đường đi lên CNXH vào thực tiễn đất nước từ những năm 30 của thế kỷ XX. 92 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trung thành bảo vệ, vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận CNXH khoa học để xây dựng CNXH trong thực tiễn, lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Nhờ đó, đất nước ta được giải

phóng, nhân dân ta được là chủ, được làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; nhân dân không ngừng được nâng cao về trình độ dân trí, dân quyền, đấu tranh bền bỉ xóa bỏ nhiều tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, chống lại lối sống chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, những âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ hệ tư tưởng cách mạng, tiến bộ, nhân văn; xây dựng được cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của CNXH – mà mới đây nhất Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Không có lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng”. Bài học thành công của hơn 35 năm đổi mới đất nước cho thấy chỉ có nắm vững lý luận và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH, con đường đi lên CNXH mới có khả năng phân tích đúng đắn đặc điểm tình hình cách mạng, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phát hiện quy luật phát triển của cách mạng, từ đó đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn

- **Liên hệ với việc nhận thức ý nghĩa môn học đối với sinh viên:**

Sinh viên là lực lượng kế tục, phát huy nguồn trí tuệ nước nhà, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đóng vai trò then chốt trong phát triển đất nước, là lực lượng to lớn trong việc giữ gìn và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

=> Có thể khẳng định, con đường quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội ở nước ta là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sinh viên là thế hệ trẻ, là chủ nhân của đất nước, sinh viên cần làm gì, làm như thế nào để khẳng định và đóng góp sức mình vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước tiến lên Chủ nghĩa Xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp 4.0, các nước ra sức chạy đua về công nghệ, kỹ thuật với hàng loạt các công trình nghiên cứu, sáng chế, áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào đời sống sản xuất, tối ưu hóa các quy trình sản xuất. Vậy, để phát huy vai trò của sinh viên trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc, mỗi sinh viên cần phải rèn luyện.

- Thứ nhất, thế hệ trẻ cần phải chăm chỉ, sáng tạo, có mục đích và động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu được học tập tốt là yêu nước để trang bị một nền tảng tốt, giàu kiến thức, vững kỹ năng để tiếp nối các thế hệ cha anh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Thứ hai, tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá – đạo đức truyền thống của dân tộc.
- Thứ ba, luôn nâng cao nhận thức chính trị, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tránh nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị.

- Thứ tư, biết trau dồi các kỹ năng hội nhập trong thời kỳ mới, tiếp thu sự phát triển của công nghệ, phát triển bản thân phù hợp với hoàn cảnh gia đình và xã hội. Nhiệm vụ học tập khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế đòi hỏi lớp sinh viên hiện nay phải nhanh chóng trang bị cho mình năng lực hội nhập, như bản lĩnh, kiến thức, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng, tác phong công nghiệp, hiểu biết văn hóa dân tộc, đất nước mình, đồng thời phải hiểu biết tình kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa thế giới.

***Chủ đề 9: Nêu đối tượng, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận CNXHKKH?
Phân tích nội dung, ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH?***

• Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Là những quy luật chính trị – xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội.
- Những nguyên quy tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân nhằm hiện thực hoá sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

• Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Phương pháp chung nhất được sử dụng là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp cụ thể khác như:

- Phương pháp kết hợp logic và lịch sử: Đây là phương pháp đặc trưng và đặc biệt quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học tức - là rút ra được logic của lịch sử, không dừng lại ở sự liệt kê sự thật lịch sử.

- Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội, cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện chính trị - xã hội giữa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa; giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chế độ dân chủ; dân chủ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa,...

- Các phương pháp có tính liên ngành: tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, mô hình hóa,...

- Phương pháp tổng kết thực tiễn: Chủ nghĩa xã hội khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội để từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia cũng như của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

• Ý nghĩa

* Về mặt lý luận:

Trong tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp như: sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, không ít người nghi ngờ hoặc phủ nhận vai trò của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với cải tạo thực tiễn; vì vậy, việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học có ý nghĩa lý luận to lớn là:

- Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị những nhận thức chính trị - xã hội cho Đảng Cộng sản, Nhà nước, cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong quá trình bảo vệ và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Học thuyết Mác không dừng lại ở chỗ giải thích thế giới mà còn nhằm cải tạo thế giới. Học thuyết về cải tạo thế giới mà chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện rõ và trực tiếp nhất là chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống các học thuyết phản động, phi mácxít.

* Về mặt thực tiễn:

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong những cơ sở lý luận và phương pháp luận của nhiều khoa học xã hội chuyên ngành, đồng thời là cơ sở lý luận giúp cho các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế: xác định con đường đi, định hướng hành động đúng đắn cho đường lối chiến lược, sách lược, chính sách phù hợp với quy luật phát triển khách quan. Do đó, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải vận dụng trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ đề 10: Nêu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân? Phân tích khái niệm giai cấp công nhân? Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

a, Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân:

• Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin về giai cấp công nhân :

Giai cấp công nhân là sản phẩm của cách mạng công nghiệp, ra đời và phát triển gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền đại công nghiệp; trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao. Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền đại công nghiệp.

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiến bộ, cho xu hướng tiến bộ của phương thức sản xuất; là giai cấp có tinh thần triệt để cách mạng; là giai cấp có tính tổ chức và kỷ luật cao; là giai cấp có bản chất quốc tế. Vì vậy giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân là tổ chức lãnh đạo xã hội thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản để đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng toàn xã hội khỏi áp bức bất công xóa bỏ CNTB xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Tổ chức lãnh đạo xã hội thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản: xóa bỏ chế độ TBCN, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh. Giai cấp công nhân là người đào huyệt chôn CNTB, từng bước xây dựng CNXH, chủ nghĩa cộng sản.

- *Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cuộc đấu tranh nhằm thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

+ Nội dung kinh tế:

- Giai cấp công nhân là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất, tạo tiền đề vật chất-kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.
- Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội. Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Họ chỉ tìm thấy lợi ích của chính mình khi thực hiện được lợi ích chung của cả xã hội.
- Giai cấp công nhân thực hiện “*một kiểu tổ chức XH mới về lao động*” và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý, phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng XH.
- Giai cấp công nhân đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng LLSX, thúc đẩy LLSX phát triển để tạo cơ sở cho QHSX mới, XHCN ra đời.
- Giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

+ Nội dung chính trị-xã hội:

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của ĐCS tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của CNTB, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình để cải tạo XH cũ và tổ chức xây dựng XH mới, phát triển KT, VH, xây dựng nền CT dân chủ-pháp quyền, quản lý KT-XH...

+ Nội dung văn hoá, tư tưởng:

- Tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.
- Cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần XH.
- Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của g/c công nhân – CN Mác-Lênin để khắc phục ý thức hệ tư sản và tàn dư tư tưởng cũ.
- Phát triển VH, xây dựng con người mới XHCN, đạo đức và lối sống mới XHCN.

- *Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:*

+ Điều kiện khách quan:

- Thứ nhất, do địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp công nhân quy định.
- Giai cấp công nhân là con đẻ, sản phẩm của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.
- Giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình.
- Thứ hai, do địa vị chính trị-xã hội của giai cấp công nhân quy định.
- Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến, cách mạng: có tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết.
- Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây chính là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Điều kiện chủ quan:

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.
- Về số lượng: ngày càng tăng và gắn với sự phát triển về chất lượng công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình.
- Về chất lượng: ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị; tự giác nhận thức được trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, đó chính là giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.
- Đảng Cộng sản-đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng.
- Quy luật phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa Chủ nghĩa xã hội khoa học tức chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân.
- Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng.
- Để giai cấp công nhân thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình cần có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

b, Phân tích khái niệm giai cấp công nhân:

+ Sự ra đời của giai cấp công nhân:

- GCCN xuất thân từ rất nhiều giai cấp và tầng lớp trong xã hội.
- Là sản phẩm của nền đại công nghiệp.

+ Phương diện kinh tế xã hội:

- Là sản phẩm và là chủ thể của nền sản xuất đại công nghiệp. GCCN là người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

- Đặc điểm nổi bật: sx bằng máy móc, lao động có tính chất XHH, năng suất lao động cao.

+ Phương diện chính trị xã hội:

- GCCN không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

- Là lực lượng chính trị cơ bản trong xã hội TBCN

- GCCN đối kháng với GCTS MT gay gắt với TS

Khái niệm: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

c, Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

GCCN hiện nay là những tập đoàn người hđsx và dịch vụ bằng phương thức CN tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của Thế giới.

* Những biến đổi của GCCN hiện nay:

- Tăng nhanh về số lượng, biến đổi mạnh về cơ cấu.

- Có xu hướng trí tuệ hóa (trí thức hóa và trí tuệ hóa)

- Có tính XHH của lđ CN mang nhiều biểu hiện mới. LLSX hiện đại đã vượt ra khỏi phạm vi quốc gia-dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành llsx của TG toàn cầu.

- Có thêm điều kiện vật chất để tự giải phóng.

- Ở các nước XHCN, GCCN đã trở thành giai cấp lãnh đạo và ĐCS trở thành Đảng cầm quyền.

* Về kinh tế:

- GCCN trong CNTB: Do sự phát triển nền sản xuất hiện đại Tạo điều kiện để phát huy vai trò của GCCN trong các cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và CNXH.

- Mâu thuẫn Vô sản và Tư sản diễn ra gay gắt => Thúc đẩy cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột => Xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng => từng bước thực hiện SMLS của GCCN trong lĩnh vực kinh tế.

* Về chính trị:

- Nước TBCN: Mục tiêu đấu tranh trực tiếp của GCCN là chống bất công và bất bình đẳng xã hội, đòi quyền dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay GCCN và nhân dân lao động.

- Nước XHCN: Dưới sự lãnh đạo của ĐCS, GCCN tiếp tục sự nghiệp cải cách, đổi mới để xây dựng CNXH, xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

* Về văn hóa tư tưởng:

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của ĐCS, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của CNXH cho GCCN và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện CN quốc tế chân chính của GCCN trên cơ sở phát huy CN yêu nước và tinh thần dân tộc.

Chủ đề 11: Nêu nội dung sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân? Phân tích nội dung kinh tế của giai cấp công nhân? Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

● **Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

-Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong.

-Giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là: xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản văn minh trên phạm vi toàn thế giới.

-Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thực hiện trên 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Giai cấp công nhân thông qua chính Đảng của mình tiến hành một cuộc đấu tranh giành chính quyền về tay mình, thiết lập chuyên chính vô sản.

+ Giai đoạn 2: Giai cấp công nhân liên minh với nhân dân lao động để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản. => Hai giai đoạn trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó giai đoạn 2 là quan trọng để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

-Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân của tư liệu sản xuất, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng với nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội.

● **Nội dung kinh tế:**

Việt Nam là một nước xã hội chủ nghĩa, theo thể chế nhất nguyên chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN trong lĩnh vực kinh tế -

xã hội gắn với công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đảm bảo phát triển bền vững và không ngừng nâng cao chất lượng đời sống nhân dân lao động.

Theo thống kê năm 2021, cơ cấu GCCN ở nước ta trong ngành công nghiệp chiếm đến 46,1%, thương mại dịch vụ chiếm 25,9%. Hằng năm, GCCN đóng góp khoảng 60% tổng sản phẩm xã hội và đảm bảo hơn 70% ngân sách nhà nước. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới dưới tác động của đại dịch COVID-19, GCCN Việt Nam đã tiên phong, nòng cốt cùng nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước, đã đạt được mục tiêu kép trong năm 2020 là chống dịch thành công và tăng trưởng kinh tế đạt 2,91% - sứ tăng trưởng dương hiếm có trên thế giới. Có thể nói, GCCN đang phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- **Liên hệ SMLS của GCCN hiện nay:**

- Giai cấp công nhân hiện nay là một tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

=> Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp) với sự phát triển kinh tế tri thức, giai cấp công nhân có xu hướng trí tuệ hóa.

=> Tính chất xã hội hóa của lao động công nghiệp, sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu mở rộng thành “chuỗi giá trị toàn cầu” => Tính chất quốc tế hóa (mô hình “xuất khẩu lao động tại chỗ”, “làm việc tại nhà”, “nhóm chuyên gia quốc tế”...

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay: Phát huy vai trò chủ thể trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Chủ đề 12: Nêu những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Phân tích điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

- ❖ **Những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân**

- **Điều kiện khách quan**

- Do địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân
- Do địa vị chính trị xã hội của giai cấp công nhân

- **Nhân tố chủ quan**

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng
- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình
- Phải có sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác

❖ **Phân tích điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

- Do địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân
 - Giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại
 - Lợi ích của giai cấp công nhân mâu thuẫn trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản
 - Sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa tạo khả năng để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình
 - Do địa vị chính trị xã hội của giai cấp công nhân
 - Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến
 - Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để
 - Giai cấp công nhân có tính tổ chức kỷ luật cao
 - Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế
- ❖ **Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay**

Giai cấp công nhân hiện nay là một tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

=> Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp) với sự phát triển kinh tế tri thức, giai cấp công nhân **có xu hướng trí tuệ hóa**.

=> Tính chất **xã hội hóa** của lao động công nghiệp, sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu mở rộng thành “chuỗi giá trị toàn cầu” => Tính chất quốc tế hóa (mô hình “xuất khẩu lao động tại chỗ”, “làm việc tại nhà”, “nhóm chuyên gia quốc tế”...

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay: Phát huy vai trò chủ thể trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Chủ đề 13: Nêu những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Phân tích nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

❖ **Những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân**

- Điều kiện khách quan
 - Do địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân
 - Do địa vị chính trị xã hội của giai cấp công nhân
- Nhân tố chủ quan
 - Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sức mạnh lịch sử của mình
- Phải có sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác

❖ **Phân tích nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

- Trước hết GCCN phải thật sự trưởng thành cả về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp gánh vác trách nhiệm với toàn thế giới. Sự phát triển của GCCN một mặt gắn liền với sự phát triển của công nghiệp hóa (có thể do chính họ chủ động hoạch định và thực hiện); mặt khác thông qua tác động của chế độ chính trị với quan hệ giữa GCCN với các giai tầng khác.
- Điều kiện chủ quan quyết định nhất là việc GCCN được tổ chức thành giai cấp tự giác, với tổ chức hạt nhân là Đảng Cộng sản - bộ tham mưu, đội tiên phong của nó, sẽ thực hiện sứ mệnh lịch sử phủ định chế độ TBCN, xác lập chế độ XHCN. Đảng của GCCN có trình độ giác ngộ cao về lý luận, trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa do hiểu biết tường tận quy luật của lịch sử, đại biểu cho lợi ích của toàn giai cấp và của dân tộc là người thay mặt GCCN lãnh đạo cuộc cách mạng XHCN.

❖ **Liên hệ SMLS của GCCN hiện nay:**

GCCN hiện nay là một tập đoàn người sản xuất và dịch vụ bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

=> Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp) với sự phát triển kinh tế tri thức, giai cấp công nhân **có xu hướng trí tuệ hóa**.

=> Tính chất **xã hội hóa** của lao động công nghiệp, sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu mở rộng thành “chuỗi giá trị toàn cầu” => Tính chất quốc tế hóa (mô hình “xuất khẩu lao động tại chỗ”, “làm việc tại nhà”, “nhóm chuyên gia quốc tế”...

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay: Phát huy vai trò chủ thể trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội

Chủ đề 14: Trình bày điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay so với giai cấp công nhân trong thế kỷ XIX? Trong giai đoạn hiện nay giai cấp công nhân còn có sứ mệnh lịch sử nữa hay không? Tại sao? Liên hệ với giai cấp công nhân hiện nay.

1) Làm rõ điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm của giai cấp công nhân thế kỷ XIX và giai cấp công nhân hiện nay.

● **Điểm giống nhau:**

- Điều đại diện phương thức sản xuất tiên tiến, lực lượng sản xuất hàng đầu xã hội tạo ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội.
- Vẫn Bị giai cấp tư sản, chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư

- Là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội. là lực lượng nòng cốt đấu tranh để xây dựng 1 xã hội tốt đẹp hơn.

● **Điểm khác biệt: Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại:**

+ Xu hướng “trí tuệ hóa tăng nhanh”: Đó là “công nhân trí thức”, “công nhân tri thức”, “công nhân áo trắng”, lao động trình độ cao. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp. Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất.

+ Xu hướng: “trung lưu hóa” gia tăng: Một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu vào 1 lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Về hình thức họ không còn là: “vô sản” nữa và có thể được “trung lưu hóa” về mức sống. Nhưng thực chất ở các nước tư bản, quá trình sản xuất và phân chia lợi nhuận vẫn bị phụ thuộc và những cổ đông lớn.

=> Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghệ 4.0, công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại.

2). Trong giai đoạn hiện nay giai cấp công nhân có còn phải thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới hay không ?

Hiện nay giai cấp công nhân vẫn thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Liên hệ: Ở nước ta, giai cấp công nhân trước hết phải làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phải lãnh đạo cuộc cách mạng đó thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, đấu tranh giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân từng bước lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không có người bóc lột người, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công.

Chủ đề 15: Trình bày đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam? Ảnh hưởng của những đặc điểm sứ mệnh lịch sử đến việc thực hiện nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thế nào? Liên hệ vào một lĩnh vực công nghiệp cụ thể?

a. Đặc điểm của giai cấp công nhân VN:

Có những phẩm chất chung của giai cấp công nhân thế giới: Đại diện cho các phương thức sản xuất tiên tiến, sống tập trung ở các trung tâm kinh tế, có ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết cao, có tinh thần cách mạng triệt để.

- *Giai cấp công nhân có những đặc điểm riêng:*

- Thứ nhất: ra đời trong một nước thuộc địa nửa phong kiến và phải chịu 3 tầng áp bức (phong kiến, thực dân, tư sản).
- Thứ hai: phần lớn xuất thân từ nông dân, điều này tạo cơ sở thuận lợi cho việc hình thành khối liên minh công nông.
- Thứ ba: Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, thành phần thống nhất và thuần nhất nên không bị ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội.
- Thứ tư: Giai cấp công nhân Việt Nam có truyền thống yêu nước ý chí kiên cường bất khuất lại hình thành khi Cách Mạng Tháng 10 Nga thành công nên đã tiếp thu kinh nghiệm của Cách mạng Tháng 10 Nga và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Thứ năm: Giai cấp công nhân Việt Nam từ khi có chính Đảng của mình giai cấp công nhân đã trở thành lực lượng tiên phong đi đầu trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội.

=> Ngày nay sau hơn 30 năm đổi mới thì giai cấp công nhân Việt Nam đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, đa dạng cơ cấu về ngành nghề, nắm vững tri thức về khoa học công nghệ tiên tiến

b) Ảnh hưởng từ đặc điểm của giai cấp công nhân đến việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam tiếp tục đảm đương sứ mệnh lịch sử lớn lao, *“Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua chính đảng của nó, giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”*

- Giai cấp công nhân ở Việt Nam là giai cấp xuất thân chủ yếu từ nông dân với lối sống tiêu nông, tập quán lạc hậu từ truyền thống xã hội nông nghiệp, điều này tạo ra sự cản trở đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Do xuất thân chủ yếu từ giai cấp công nhân, nên giai cấp công nhân hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế:

+ Thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế

+ Đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống, và đang mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân.

=> Đây là sự tiêu cực có ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay, đòi hỏi phải có những biện pháp khắc phục những đặc điểm này của giai cấp công nhân.

- Giai cấp công nhân đã tạo được khối liên minh công – nông – trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo. Nhưng hiện nay, số lượng công nhân trong doanh nghiệp nhà nước từ đại diện cho toàn bộ giai cấp công nhân trong thời kỳ trước nay chỉ giữ một số lượng với tỉ lệ thấp hơn (1,83 triệu, chiếm 40,8%) so với công nhân khu vực ngoài nhà nước (2,68 triệu chiếm 52,9%).

=> Tỉ lệ công nhân nhà nước tỉ lệ nghịch với tốc độ và quy mô đổi mới doanh nghiệp nhà nước đang diễn ra mạnh mẽ trong thời gian gần đây dưới sức ép của nhu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của kinh tế quốc tế. Điều này đã làm cho vai trò của công nhân nhà nước có nguy cơ bị mai một dần, không đáp ứng được nhu cầu đổi mới trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Chủ đề 16: Trình bày điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội? Biểu hiện mâu thuẫn về kinh tế trong CNTB. So sánh với CNTB trong giai đoạn hiện nay?

1. Các điều kiện cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ kinh tế, chính trị và xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là một xã hội được thiết lập sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị và bóc lột trước đó, thiết lập nền chính quyền mới của nhân dân lao động từ đó xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa tương ứng dựa theo những nguyên lý, quy luật cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

=> Như vậy, chủ nghĩa xã hội phải ra đời dựa trên những tiền đề vật chất cơ bản như:

- + Điều kiện kinh tế: do sự ra đời của sản xuất công nghiệp với thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ, lao động mang tính xã hội, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ và đạt tới trình độ xã hội hóa ngày càng cao, mâu thuẫn với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu. Mâu thuẫn này ngày càng phát triển. Đây là mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- + Điều kiện chính trị - xã hội: cùng với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng hình thành và phát triển hai giai cấp cơ bản: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản có lợi ích đối lập nhau nên xã hội xuất hiện mâu thuẫn đối kháng. Giai cấp công nhân giác ngộ lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học và dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản lật đổ nhà nước của giai

cấp tư sản, xác lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Việc thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là sự mở đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

=> Tóm lại: do sự vận động của những mâu thuẫn cơ bản trong chủ nghĩa tư bản cùng với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Khi xuất hiện tình thế và thời cơ cách mạng tạo ra những điều kiện cần và đủ thì cách mạng xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ xảy ra và thắng lợi đưa đến sự ra đời của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Biểu hiện mâu thuẫn về kinh tế trong CNTB:

CNTB ngay từ khi ra đời đã bộc lộ những mâu thuẫn tưởng như không thể điều hoà được.

- Chế độ phân phối thu nhập quốc dân dưới chế độ CNTB chứa đựng những mâu thuẫn đối kháng sâu sắc đe dọa sự tồn tại của CNTB.

Dưới chế độ CNTB, vì các nhà tư bản và địa chủ nắm tài liệu sản xuất nên việc phân phối thu nhập quốc dân được tiến hành có lợi cho các giai cấp bóc lột. Quá trình phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân đã làm cho thu nhập của giai cấp bóc lột tăng lên còn thu nhập của giai cấp lao động giảm xuống. Do phần thu nhập ít ỏi nên tiêu dùng của nhân dân lao động bị hạn chế trong phạm vi chật hẹp của thu nhập. Phần tích lũy để mở rộng sản xuất tương đối ít so với khả năng và đòi hỏi của xã hội. Trong khi đó, đời sống của giai cấp bóc lột thì ngày càng xa hoa lãng phí. Từ đó đã tạo ra những mâu thuẫn đối kháng sâu sắc giữa giai cấp công nhân và tầng lớp tư sản.

-Nền kinh tế TBCN trải qua những cuộc khủng hoảng thừa hoặc thiếu.

Khủng hoảng sản xuất “thừa” của CNTB nghĩa là thừa so với sức mua eo hẹp của quần chúng. Chính trong lúc thừa hàng hoá thì hàng triệu quần chúng lao động bị đói rét. Họ đói rét vì họ sản xuất ra quá nhiều lương thực, quá nhiều than đá. Chính mâu thuẫn kinh tế cơ bản của CNTB là nguyên nhân nổ ra những cuộc khủng hoảng kinh tế.

+ Mâu thuẫn giữa tính có tổ chức, có kế hoạch trong từng xí nghiệp với tính vô chính phủ của toàn xã hội. Các công nhân trong xí nghiệp được tổ chức và phục tùng ý chí duy nhất của các nhà tư bản nhưng trong xã hội thì trạng thái vô chính phủ bao gồm tất cả. Từ đó đã dẫn đến những điều kiện thực hiện trong quá trình tái sản xuất TBCN hoàn toàn bị rối loạn.

+ Mâu thuẫn giữa xu hướng mở rộng sản xuất vô hạn của CNTB và sức mua có hạn của quần chúng nhân dân. Các nhà tư bản trong quá trình tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch, ra sức tăng khối lượng lợi nhuận đã mở rộng quy mô sản xuất, tăng khối lượng hàng hoá và đưa ra thị trường một khối lượng hàng hóa khổng lồ trong khi đó sự bần cùng hoá của quần chúng nhân dân đã làm hạn chế sức mua của xã hội, làm cho sức mua lạc hậu so với sự phát triển của sản xuất.

+ Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản bởi đặc điểm của CNTB là tư liệu sản xuất tách rời người sản xuất. Tư liệu sản xuất thì tập trung trong tay giai cấp tư sản còn người trực tiếp sản xuất lại là giai cấp vô sản, ngoài sức lao động của mình ra, họ không còn nữa.

=> Tất cả những lí do trên đã thúc đẩy những cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra, từ đó làm sản xuất bị đình đốn, nền kinh tế bị lùi bước và đưa lại tai họa cho giai cấp công nhân. Sự phân hoá xã hội thành kẻ giàu người nghèo, sự nắm giữ về kinh tế của các tập đoàn kinh tế lớn và sự cạnh tranh giữa chúng.

- Nạn thất nghiệp và những vấn đề về mặt xã hội như tệ nạn xã hội, mafia...

● **So sánh với chủ nghĩa tư bản:**

Chủ nghĩa tư bản	Chủ nghĩa xã hội
Bóc lột phản ánh rõ với tính chất lợi ích trả lại cho người trực tiếp lao động.	CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện
Máy móc là chủ chốt của tư liệu sản xuất, nhà tư bản chiếm hết mọi tư liệu sản xuất.	CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu
Trong thời kỳ còn có sự xuất hiện của CNTB thì trong giai đoạn này các cá nhân hay chủ thể nào là người có nhiều của cải vật chất thì sẽ là những người có tiếng nói có quyền quyết định mọi thứ diễn ra trong xã hội chủ nghĩa tư bản này	CNXH là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ
Nhà nước trực tiếp tham gia hoạt động kinh tế - thương mại (tức là vì lợi nhuận) và cơ sở sản xuất được tổ chức và quản lý như doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả quá trình tích lũy vốn, lao động tiền lương và quản lý tập trung)	CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Các nền kinh tế thị trường đã tồn tại dưới nhiều hình thức của chính phủ và ở nhiều thời điểm, địa điểm và nền văn hóa khác nhau	CNXH có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại
Sự phân hóa giàu – nghèo đẩy tới cực độ mang đến sự phân cực xã hội vô cùng sâu sắc.	CNXH bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

Chủ đề 17: Nêu các đặc trưng cơ bản của CNXH? “ CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện”. Ý nghĩa của đặc trưng này đến quá trình xây dựng CNXH

● **Các đặc trưng cơ bản của CNXH:**

- CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện
- CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu
- CNXH là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ
- CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động
- CNXH có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại
- CNXH bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

- **Phân tích:** CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện

C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Thay thế cho xã hội tư sản cũ với các giai cấp và những sự đối lập giai cấp của nó sẽ là một khối liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do của tất cả mọi người”; khi đó “con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình, trở thành người tự do”. Để đạt được mục tiêu tổng quát đó, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng giai cấp này bóc lột, áp bức giai cấp kia, và một khi tình

trạng người áp bức, bóc lột người bị xóa bỏ thì “tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”.

V.I. Lênin, trong điều kiện mới của đời sống chính trị xã hội thế giới đầu thế kỷ XX, đồng thời từ thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết đã cho rằng, mục đích cao nhất, cuối cùng của những cải tạo xã hội chủ nghĩa là thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu: “khi bắt đầu thực hiện những cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải đặt rõ cái mục đích mà những cải tạo xã hội chủ nghĩa đó rốt cục nhằm tới, cụ thể là mục đích thiết lập một xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội không chỉ hạn chế ở việc tước đoạt các công xưởng, nhà máy, ruộng đất và tư liệu sản xuất, không chỉ hạn chế ở việc kiểm kê và kiểm soát một cách chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, mà còn đi xa hơn nữa, đi tới việc thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Vì thế cái tên gọi “đảng cộng sản” là duy nhất chính xác về mặt khoa học”. V.I. Lênin cũng khẳng định mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội cần đạt đến là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người. V.I. Lênin còn chỉ rõ trong quá trình phấn đấu để đạt mục đích cao cả đó, giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội – tạo ra các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản.

Chủ đề 18: Nêu các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội? Phân tích đặc trưng: “Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu”. Ý nghĩa đặc trưng này đến quá trình xây dựng CNXH.

*** Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội :**

- CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện
- CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu
- CNXH là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ
- CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động
- CNXH có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại

- CNXH bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

*** “Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu”.**

Để có được một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, điều tiên quyết là xã hội đó phải có một nền kinh tế phát triển. Bởi vì kinh tế là lực lượng vật chất, nguồn sức mạnh nội tại của cơ thể xã hội, nó quyết định sự vững vàng và phát triển của xã hội. Đến lượt mình, nền kinh tế đó chỉ có thể phát triển dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại. Mác đã khẳng định: chủ nghĩa xã hội chỉ thực hiện được bởi “một nền đại công nghiệp”. Nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, là hiện thân và là yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Với các nội dung và lô-gíc vận động như đã luận giải trên, Đảng ta đã tập trung phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trước mắt là hoàn thiện thể chế của nó; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nhằm xây dựng một lực lượng sản xuất hiện đại để có một nền kinh tế phát triển cao - điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững xã hội xã hội chủ nghĩa.

*** Ý nghĩa của đặc trưng này liên quan đến quá trình xây dựng CNXH:**

Với tinh thần và tư duy biện chứng về phát triển xã hội, Đảng ta quan niệm: Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình vận động, chuyển hóa liên tục, không ngừng phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa cũng luôn luôn vận động, chuyển hóa và phát triển. Mười, mười lăm, hai mươi năm tới, các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa hiện nay chắc chắn sẽ có những bổ sung mới đáp ứng đòi hỏi mới của phát triển xã hội. Điều đó đặt ra cho Đảng ta trọng trách là phải không ngừng đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để vừa tiếp tục khám phá ra những vấn đề, những nội dung, những đặc trưng mới, vừa sáng suốt lãnh đạo toàn dân ta xây dựng xã hội đạt tới các phẩm chất và các giá trị, vươn tới các đặc trưng mới của xã hội xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

Chủ đề 19: Nêu tính tất yếu khách quan và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH? Phân tích tính tất yếu của TKQĐ lên CNXH? Liên hệ với TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam?

*** Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- Lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.
- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị.

- Có 2 loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:

+ *Quá độ trực tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra;

+ *Quá độ gián tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác - Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

*** Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- Trên lĩnh vực kinh tế:

+ Tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.

+ Vận hành có sự quản lý của nhà nước XHCN.

- Trên lĩnh vực chính trị:

+ Là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp.

+ Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân.

+ Là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới- giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới- xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới- cơ bản là hòa bình tổ chức xây dựng.

- Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa:

+ Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản.

+ Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa- tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

- Trên lĩnh vực xã hội:

+ Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần quy định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

+ Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay

+ Là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

*** *Phân tích tính tất yếu của TKQĐ lên CNXH:***

- *Một là*, bất kỳ quá trình chuyển biến từ một xã hội này lên một xã hội khác đều nhất định phải trải qua một thời kỳ gọi là thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ còn có sự đan xen lẫn nhau giữa các yếu tố mới và cũ trong cuộc đấu tranh với nhau. Có thể nói đây là thời kỳ của cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới mà nói chung theo tính tất yếu phát triển lịch sử thì cái mới thường chiến thắng cái cũ, cái lạc hậu. Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một bước nhảy lớn và căn bản về chất so với các quá trình thay thế từ xã hội cũ lên xã hội mới đã từng diễn ra trong lịch sử thì thời kỳ quá độ lại càng là một tất yếu, thậm chí có thể kéo dài.

- *Hai là*, sự ra đời của một xã hội mới bao giờ cũng có những sự kế thừa nhất định từ những nhân tố do xã hội cũ tạo ra. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là sự kế thừa đối với chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trên phương diện kế thừa cơ sở vật chất kỹ thuật đã được tạo ra bởi sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội mặc dù cũng là nền sản xuất đại công nghiệp nhưng đó là nền sản xuất đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa chứ không phải là nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Do đó nó cũng cần phải có thời kỳ quá độ của bước cải tạo, kế thừa và tái cấu trúc nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

- *Ba là*, các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

- *Bốn là*, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người chủ của xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không thể ngay lập tức có thể đảm đương được công việc ấy, nó cần phải có thời gian nhất định.

*** *Liên hệ thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN:***

- Khoảng thời gian diễn ra quá độ:

+ Trong tính tất yếu, nước ta xác định nhu cầu đi lên chủ nghĩa xã hội. Do đó trong khoảng thời gian chưa thống nhất đất nước, thời kỳ quá độ được diễn ra trước tiên ở Miền Bắc. Thời kỳ này bắt đầu từ năm 1954 sau khi miền Bắc được giải phóng. Sau đó, các tính chất trong đấu tranh giải phóng và chỉ viện cho miền Nam được thực hiện. Đến năm 1975, đất nước hoàn toàn độc lập và thống nhất hai miền Nam Bắc. Khi đó, sự thống nhất trong vai trò lãnh đạo của Đảng đặt ra mục tiêu phát triển đất nước. Trước tiên là khôi phục kinh tế, xã hội và đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Như vậy đến năm 1975, cả nước cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Diễn ra với các chính sách cần thiết dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Tính tất yếu:

+ Đặt dưới nhu cầu đi lên chủ nghĩa xã hội, đất nước ta thấy được những lợi ích trong đổi mới kinh tế. Bên cạnh các phát triển mọi mặt và nhu cầu hợp tác toàn cầu. Do đó tính dân chủ cần được phản ánh hiệu quả thông qua quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bất cứ sự chuyển dịch tính chất xã hội nào cần được tiến hành hết sức khéo léo. Thông qua lộ trình cùng với các tác động và điều chỉnh hợp lý. Đặt dưới tính chất phối hợp của mọi thành phần kinh tế.

+ Với một đất nước với tính chất thuộc địa như nước ta bây giờ, các tính dân chủ không được phản ánh. Khi đó, người dân không đảm bảo với quyền lợi đáng ra được hưởng. Bên cạnh các nỗ lực xây dựng kinh tế cá nhân hay kinh tế đất nước, chủ nghĩa xã hội sẽ mang đến các đảm bảo thông qua hệ thống pháp luật được ban hành trên phạm vi cả nước.

Chủ đề 20: Trình bày hình thức quá độ lên CNXH ở Việt Nam? Làm rõ sự sáng tạo của Đảng ta trong vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH? Liên hệ với Việt Nam hiện nay?

● **Hình thức quá độ lên CNXH ở Việt Nam:**

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi và khó khăn đan xen, với những đặc trưng cơ bản sau:

- + Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.
- + Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ; nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc; ảnh hưởng tới nhịp độ phát triển và cuộc sống của các dân tộc.
- + Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

=> Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn đúng đắn, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học công nghệ, phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

● **Làm rõ sự sáng tạo của Đảng ta trong việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- *Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cho đến nay đã trải qua gần 3/4 thế kỷ (1930-2014).*

- + Đã có tới 15 năm vận động cách mạng, khởi nghĩa giành độc lập dân tộc (1930-1945)
- + Đã có tới 30 năm kháng chiến chống lại sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới (1946-1975) bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

=> Như vậy, nhân dân ta mới chỉ có chưa đầy 40 năm (1976- 2014) tập trung vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhưng cả trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, nhân dân ta đã phải chống lại chiến tranh xâm lược cục bộ và âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Liên Xô cải tổ, tan rã; chế độ XHCN ở các nước Đông Âu sụp đổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã thực hiện công cuộc Đổi mới, thay đổi mô hình xây dựng đất nước, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế, xã hội, phá vỡ chiến lược bao vây, cấm vận, cô lập Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc, từng bước phát triển kinh tế và đến nay đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt: Vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hơn 180 quốc gia; có quan hệ hợp tác chiến lược với 14 nước, trong đó có 4 nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cùng với Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn độ... Hoa Kỳ hiện là đối tác toàn diện của Việt Nam. Đời sống nhiều mặt của nhân dân ta được nâng lên đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2013 đạt khoảng 1.960 USD. Từ một trong những nước nghèo nhất thế giới (khi bước vào công cuộc đổi mới, 1986), đến nay, Việt Nam bắt đầu được ghi tên vào danh sách các nước có mức sống trung bình trên thế giới.

- *Không phủ nhận rằng, trước thời kỳ Đổi mới (trước năm 1986) xã hội ta được xây dựng theo mô hình Xô-viết mà đặc trưng là:*

Nhà nước chuyên chính vô sản; kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp với hai thành phần duy nhất là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Trong mô hình đó, kinh tế thị trường đã bị xóa bỏ, thậm chí bị kỳ thị. Quan hệ quốc tế nói chung chỉ bó hẹp trong khối XHCN. Dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Đảng ta đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh thời đại. Năm 1986, Đảng ta đã quyết định thay đổi đường lối xây dựng đất nước, chuyển sang xây dựng đất nước theo mô hình mới, khác về cơ bản so với mô hình cũ:

- Về chính trị, đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- Về kinh tế, đó là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.
- Về xã hội, đó là xây dựng xã hội dân chủ, công bằng văn minh.
- Về đường lối đối ngoại, đó là hội nhập quốc tế toàn diện, xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, bản sắc văn

hóa... Bởi vậy, nếu nói gần 30 năm qua, xã hội ta được xây dựng theo “mô hình Xô-viết” là trái với thực tế, là xuyên tạc lịch sử.

- **Liên hệ với Việt Nam hiện nay:**

Hiện nay, để tiếp tục giữ vững, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn với CNXH, Việt Nam cần đẩy mạnh vận dụng sáng tạo, phát triển tư tưởng, đường lối của V. I. Lênin về TKQĐ gián tiếp với một số điểm chú ý sau:

- Thực tế thành công lẫn thất bại của CNXH hiện thực trên thế giới một thế kỷ qua đều chứng minh lý luận của V. I. Lênin về TKQĐ gián tiếp là đúng đắn. Để phát triển, tiến bộ nhanh, mạnh, bền vững, mà không lặp lại những hạn chế của CNTB, các nước đang phát triển vẫn có thể và cần phải thực hiện TKQĐ này. Điều đổi mới nhận thức về TKQĐ đó là bỏ qua chính trị TBCN, mà vẫn sử dụng, khai thác kinh tế CNTB để phục vụ cho CNXH, đặc biệt là phát triển LLSX, kinh nghiệm quản lý, trình độ khoa học - công nghệ... đồng thời với vai trò của nhà nước pháp quyền XHCN sẽ điều tiết sự phát triển nhân văn hơn.
- Để giữ được bản chất và định hướng XHCN trong thực hiện đường lối về TKQĐ gián tiếp, thì phải bảo đảm: một là, khi thực hiện, QHSX TBCN và giai cấp tư sản tuyệt nhiên không thể trở thành thống trị; hai là, người đại diện (nhà nước XHCN) cho chủ sở hữu (quần chúng nhân dân) không thể thay thế hoàn toàn chính người chủ sở hữu này, để trở thành một chủ sở hữu mới trên thực tế. Những điều này phụ thuộc vào việc, Đảng phải luôn kiên định và sáng tạo trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu, con đường lên CNXH dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Vận dụng sáng tạo tư tưởng lý luận, đường lối chính trị của V. I. Lênin về TKQĐ gián tiếp, cần kết hợp thống nhất, chặt chẽ, chuyển đổi linh hoạt, hợp lý hai chính sách chủ yếu trên. Đồng thời, phải đổi mới, phát triển chúng phù hợp với điều kiện trong nước.

Chủ đề 21: Nêu những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam? Trong các đặc trưng đó đặc trưng nào đóng vai trò quyết định thành công quá trình xây dựng CNXH ở nước ta? Ý nghĩa

***Đặc trưng:**

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ. Đại hội IV (1976), nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng: Trên cơ sở phương hướng đúng, hãy hành động thực tế cho câu trả lời. Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả nhân dân trên thế giới.

Đến Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

- Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Hai là: Do nhân dân làm chủ.
- Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

***Trong các đặc trưng trên, đặc trưng đóng vai trò quyết định thành công quá trình xây dựng CNXH ở nước ta là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.**

Lý do vì:

- Đây là đặc trưng tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng phải hướng tới việc hiện thực hóa đầy đủ, đồng bộ hệ mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh. Tư tưởng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đối với dân tộc Việt Nam, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thật sự. Đây là khát vọng tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam sau khi đất nước giành được độc lập và thống nhất Tổ quốc.
- Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”
- Bên cạnh đó, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề.

Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc phục triệt để... làm ảnh hưởng đến bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nước ta, làm suy giảm động lực phát triển của đất nước. Mặt khác, âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” của các thế lực thù địch, vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hóa nảy sinh và diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

=> Ý nghĩa: Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chủ đề 22: Trình bày khái niệm của dân chủ xã hội chủ nghĩa? Trình bày bản chất nền dân chủ XHCN? Liên hệ

***Khái niệm:** Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

***Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

- Bản chất chính trị:

- + Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân (đảng Mác - Lênin) mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân.
- + Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo - yếu tố quan trọng để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, bởi vì Đảng Cộng sản đại biểu cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Với nghĩa này, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính nhất nguyên về chính trị.
- + Bàn về quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân... Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa do đó về thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, khác với các cuộc cách mạng xã hội trước đây là ở chỗ nó là cuộc cách mạng của số đông, vì lợi ích của số đông nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nhà nước

=> Tóm lại, xét về bản chất chính trị, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp, cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên, một đảng và nhiều đảng; ở bản chất nhà nước.

- Bản chất kinh tế:

- + Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.
- + Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác - Lênin và quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trước hết đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối.
- + Bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó không hình thành từ “hư vô” theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân

=> Bản chất kinh tế của nền DCXHCHN là thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu. Lao động, việc làm và phân phối lợi ích tương ứng với kết quả lao động là nội dung kinh tế của dân chủ, đây cũng là nội dung mà quyền dân chủ được thể hiện một cách rộng rãi, trực tiếp.

- Bản chất tư tưởng - văn hóa:

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc... Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hoá tinh thần; được nâng cao trình độ văn hoá, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hoá, một quá trình sáng tạo văn hoá, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người.

- Bản chất xã hội:

+ Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

=> Trong nền dân chủ XHCN, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần; được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là

một thành tựu văn hóa, một quá trình sáng tạo văn hóa, thể hiện khát vọng tự do và sáng tạo của con người.

Liên hệ:

- + Công dân từ đủ 18 tuổi được phép tham gia bầu cử
- + Trước khi ban hành bộ luật mới hay sửa đổi bộ luật phải trưng cầu ý dân
- + Nhà nước ban hành bộ luật giáo dục. Theo đó, mọi công dân không đều được bình đẳng về học tập. Đồng thời Nhà nước cũng ra nhiều chính sách cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con của thương binh hay người khuyết tật.
- + Đảng và Nhà Nước ta sau khi đổi mới không chỉ ban hành những chính sách xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ y tế, nâng cao giáo dục,... còn nâng cao củng cố phòng chống tham nhũng nhằm ngăn cản việc vì lợi ích cá nhân ảnh hưởng đến lợi ích của tập thể xã hội.

Chủ đề 23: Phân tích bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa? Phân tích chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa? Liên hệ?

● **Bản chất:**

- **Về chính trị:** nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động.
- **Về kinh tế:** bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột.

Nếu như tất cả các nhà nước bóc lột khác trong lịch sử đều là bộ máy của thiểu số những kẻ bóc lột thì nhà nước XHCN vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động. Nó không còn là một nhà nước đúng nghĩa mà chỉ là “Nửa nhà nước”.

- **Về văn hóa - Xã hội:** Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin và nhiều giá trị văn hóa tiên tiến tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp được bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực, cơ hội để phát triển.

● **Chức năng**

- Căn cứ vào **phạm vi tác động** của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.
- Căn cứ vào **lĩnh vực tác động** của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành: chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Căn cứ vào **tính chất của quyền lực nhà nước**, chức năng của nhà nước được chia thành: chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng).

● **Liên hệ:**

Trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam, chức năng xã hội là chức năng quan trọng hơn do khi đã có được nhà nước mới trong thời bình thì công việc xây dựng và tổ chức giải được đặt lên hàng đầu của nhà nước, của bất cứ nhà nước nào.

Tuy nhiên, với nhà nước xã hội chủ nghĩa, tổ chức và xây dựng còn có ý nghĩa phải tổ chức và xây dựng để đạt lợi ích cho số đông nhân dân lao động. Định hướng tới của nhà nước xã hội chủ nghĩa là một xã hội không còn phân chia giai cấp nhưng nếu không có giai cấp thì sẽ không có nhà nước, bởi nhà nước là công cụ của giai cấp thống trị trong xã hội. Nhưng trong nhà nước xã hội chủ nghĩa đây không phải là nhà nước của giai cấp thống trị mà là của giai cấp cầm quyền, giai cấp lãnh đạo xã hội bởi vì giai cấp công nhân không là người thống trị mà họ là người làm chủ, những người được thực hiện quyền làm chủ của mình. Vậy nên, trong xã hội chủ nghĩa vẫn còn chức năng trấn áp nhưng chức năng trấn áp này được dùng cho tội phạm, các thế lực, kháng, phản động, đối với các thế lực thù địch, chống phá và thực hiện trấn áp trong đời sống: tội phạm, dùng Pháp luật để quản lý hành vi của con người.

Chủ đề 24: Trình bày khái niệm của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội? Trình bày vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội? Liên hệ

❖ Khái niệm cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

- Cơ cấu xã hội – giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.
- Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên CNXH: là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau gồm các giai cấp: công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, thanh niên phụ nữ...

❖ Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

Cơ cấu xã hội – giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì:

- Liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước, đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, phân phối thu nhập
- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi hoạt động xã hội và mọi thành viên trong xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, qui mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi cơ cấu xã hội và phát triển xã hội.
- Là căn cứ để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

→ Không được tuyệt đối hóa, xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác vì các loại hình cơ cấu xã hội đều có mối liên hệ tác động qua lại biện chứng với nhau.

❖ Liên hệ

Ở Việt Nam đã có sự chuyển đổi từ cơ cấu “hai giai một tầng” (giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức) ở giai đoạn bao cấp sang cơ cấu hai giai cấp, nhiều tầng lớp trong thời kỳ đổi mới (giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, doanh nghiệp, tiểu thương, tiểu chủ). Các giai tầng ngày càng năng động hơn, sáng tạo và chủ động hơn. Tuy nhiên do giữa các tầng lớp và giai cấp vừa có sự tương đồng, vừa có những khác biệt nhất định về mặt lợi ích cho nên mối quan hệ giữa các giai tầng trong xã hội Việt Nam hiện nay là mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ đề 25: Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin? Phân tích nội dung “các dân tộc hoàn toàn bình đẳng”? Ý nghĩa?

Dựa trên cơ sở tư tưởng của C. Mác – Ph. Ăngghen về vấn đề dân tộc, dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Nga, phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc, V.I. Lênin đã khái quát lại thành “Cương lĩnh dân tộc” của Đảng Cộng sản.

Nội dung “Cương lĩnh dân tộc” thể hiện trên 3 vấn đề sau:

1. Một là, Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

- Đây là quyền chính đáng của các dân tộc, mà ở đó tất cả các dân tộc lớn hay nhỏ (kể cả Bộ tộc và chủng tộc) không phân biệt trình độ cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và đi áp bức bóc lột dân tộc khác.
- Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ như nhau; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại.
- Trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc được biểu hiện ở cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền nước lớn, chống sự áp bức bóc lột, sự vi phạm lợi ích của nước lớn, nước phát triển đối với các nước nhỏ, lạc hậu, chậm phát triển
- Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.

❖ **Ý nghĩa:** Bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của dân tộc và là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc trong sự nghiệp giải phóng. Nó là cơ sở để thực hiện quyền tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

2. Hai là, Các dân tộc được quyền tự quyết.

- Quyền dân tộc tự quyết trước hết là tự quyết về chính trị: quyền thành lập một quốc gia độc lập; quyền các dân tộc tự nguyện liên hợp lại thành một liên bang trên cơ sở bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ,

=> **Ý nghĩa:** quyền dân tộc tự quyết là một quyền cơ bản của dân tộc. Nó là cơ sở để xóa bỏ sự hiềm khích, thù hằn giữa các dân tộc; phát huy tiềm năng của các dân tộc vào sự phát triển chung của nhân loại.

3. Ba là, Liên hiệp công nhân giữa các dân tộc.

- GCCN thuộc các dân tộc khác nhau đều thống nhất, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Ý nghĩa:

Đây là nội dung cơ bản nhất trong cương lĩnh dân tộc chủ nghĩa Mác-Lênin, vì:

- Phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân.
- Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- Đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để dành chiến thắng,
- Là đk thực hiện thắng lợi SMLS của GCCN. Do đó, là cơ sở để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc bị áp bức.

=> Kết luận:

“Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các ĐCS vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH.”

Chủ đề 26: Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin. Phân tích nội dung “các dân tộc được quyền tự quyết”? Ý nghĩa?

• Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

- Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp.
- Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.
- Khắc phục chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa.
- Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

2. Các dân tộc được quyền tự quyết

- Đó là quyền của các dân tộc tự quyết lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển dân tộc của mình.
- Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.
- Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, kích động đòi ly khai dân tộc.

3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

- Phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính
- Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

=> Cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các ĐCS vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH.

• Nội dung của “Các dân tộc được quyền tự quyết”:

Quyền tự quyết là quyền thiêng liêng nhất của mỗi dân tộc. Đó là quyền của mỗi dân tộc được quyết định vận mệnh của dân tộc mình không phụ thuộc vào dân tộc khác. Cụ thể, các dân tộc được tự do lựa chọn con đường phát triển, lựa chọn chế độ chính trị trong quá trình vận động, phát triển của dân tộc mình.

Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia dân tộc.

Khi xem xét quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu đồ lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp công việc nội bộ của các nước và chia rẽ dân tộc.

Câu 27: Nêu quan điểm chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác, Lênin về tôn giáo? Phân tích tính chất của Tôn giáo? Liên hệ với Việt Nam hiện nay?

I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác, Lênin về tôn giáo.

1. Khái niệm tôn giáo:

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội ra đời rất sớm trong lịch sử nhân loại và tồn tại phổ biến ở hầu hết các cộng đồng người trong lịch sử hàng ngàn năm qua. Nói chung, bất cứ tôn giáo nào, với hình thái phát triển đầy đủ của nó, cũng đều bao gồm:

+ Ý thức tôn giáo (thể hiện ở quan niệm về các đấng thiêng liêng cùng những tín ngưỡng tương ứng)

+ Hệ thống tổ chức tôn giáo cùng với những hoạt động mang tính chất nghi thức tín ngưỡng của nó.

2. Bản chất của tôn giáo

- Tôn giáo là sản phẩm của con người gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Do đó về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước sức mạnh tự nhiên và sức mạnh xã hội

- Ph. Ăngghen cho rằng: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”.

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Khi con người sáng tạo ra ngôn ngữ, công cụ sản xuất, sáng tạo ra nhà nước..., chính là sáng tạo ra những điều kiện giúp họ không ngừng vươn lên trong làm chủ tự nhiên, xã hội. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại sợ hãi tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

=> Mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và được thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế.

- Về phương diện thế giới quan, về bản chất, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác, Lê-nin.

=> Chủ nghĩa Mác, Lênin và tôn giáo chỉ khác nhau về thế giới quan về cách nhìn nhận thế giới và con người; giữa chủ nghĩa Mác- Lênin và tôn giáo; giữa những người cộng sản và những người theo tôn giáo không hoàn toàn đối lập về tư tưởng như các thế lực thù địch; các thế lực chống chủ nghĩa Mác, Lênin vẫn tuyên truyền.

3. Nguồn gốc của tôn giáo

a) Nguồn gốc kinh tế – xã hội của tôn giáo

- Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn, thần thánh hóa những sức mạnh đó. Từ đó, họ xây dựng nên những biểu hiện tôn giáo để thờ cúng.

- Khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng, con người cảm thấy bất lực trước sức mạnh của thế lực giai cấp thống trị. Họ không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp

và áp bức, bóc lột, tội ác ... tất cả họ quy về số phận và định mệnh. Từ đó, họ đã thần thánh hóa một số người thành những thần tượng có khả năng chi phối suy nghĩ và hành động người khác mà sinh ra tôn giáo.

=> Như vậy, sự yếu kém về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức, bóc lột về chính trị, bất lực trước những bất công của xã hội là nguồn gốc sâu xa.

b) Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo:

- Khi khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển

- Khi con người chưa biết tự ý thức thì họ cũng chưa nhận thức được sức bất lực của mình trước sức mạnh của thế giới bên ngoài, do vậy, con người cũng chưa có nhu cầu sáng tạo ra tôn giáo để bù đắp sự bất lực ấy

- Phải đến một trình độ nhận thức nhất định, khi con người đạt đến khả năng tư duy trừu tượng hoá, khái quát hoá, con người mới có khả năng sáng tạo ra tôn giáo

c) Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo:

- Do sự sợ hãi, lo âu của con người trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội mà dẫn đến việc sinh ra tôn giáo. Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm “sự sợ hãi sinh ra tôn giáo”. Lênin cũng cho rằng, sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản Sự phá sản “đột ngột” “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm họ bị diệt vong ..., dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại.

- Ngay cả những tâm lý tích cực như lòng biết ơn, sự kính trọng cũng có khi được thể hiện qua tôn giáo.

II. Tính chất của tôn giáo:

- Tính lịch sử của tôn giáo:

+ Tôn giáo hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế – xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

+ Đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

- Tính quần chúng của tôn giáo:

+ Là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (tính đến năm 2019

có khoảng hơn 2,5 tỷ người theo đạo Thiên Chúa Giáo) mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động.

+ Luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

- Tính chính trị của tôn giáo:

+ Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích

+ Tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc => tôn giáo mang tính chính trị

+ Khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

III. Liên hệ với Việt Nam

- Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo.

- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng và đan xen.

- Tín đồ tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong xã hội, có uy tín ảnh hưởng với tín đồ.

- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

- Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

Chủ đề 28: Nêu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo? Phân tích nguồn gốc của tôn giáo? Liên hệ với Việt Nam hiện nay?

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo:

**** Bản chất của tôn giáo:***

- Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo hiện thực khách quan, thông qua hệ thống các biểu tượng siêu nhiên và niềm tin. Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định.

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự yếu thế, bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên, xã hội và trước các thế lực trong đời sống.

**** Nguồn gốc của tôn giáo:***

- Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội: sự bất lực của con người trước các thế lực tự nhiên, thế lực xã hội.

- Nguồn gốc nhận thức: do khả năng nhận thức của con người về mặt tự nhiên, xã hội và bản thân con người là có giới hạn nên đã thần thánh hóa những điều chưa nhận thức được.

- Nguồn gốc tâm lý: Đó là ảnh hưởng của yếu tố tâm lý (cả tích cực và tiêu cực) đến sự ra đời của tôn giáo. Đặc biệt là sự bất lực trong đời sống, trong nhận thức, tạo ra sự sợ hãi, bi quan. Đó là những tình cảm nảy sinh và duy trì niềm tin tôn giáo.

**** Tính chất của tôn giáo:***

- Tính lịch sử: Tôn giáo chỉ xuất hiện trong những điều kiện lịch sử nhất định; trong từng thời kỳ lịch sử, tôn giáo có sự biến đổi cho phù hợp với kết cấu chính trị và xã hội của thời đại đó.

- Tính quần chúng của tôn giáo: Số lượng tín đồ theo các tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng đông; tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động.

- Tính chính trị của tôn giáo: Giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình; đấu tranh tôn giáo là một bộ phận của đấu tranh giai cấp; tôn giáo thay đổi cùng với sự thay đổi của quan hệ chính trị - giai cấp.

**** Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.***

- Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

- Khắc phục dần các ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo, gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.
- Phân biệt hai mặt chính trị và tôn giáo, phân biệt hoạt động tôn giáo bình thường và việc lợi dụng tôn giáo.
- Có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

2. Liên hệ với Việt Nam hiện nay

** Ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay:*

- Với dân tộc Việt Nam, không thể phủ nhận được rằng, Phật giáo là một trong những thành tố quan trọng góp phần làm nên bản sắc văn hóa dân tộc, là một phần không thể thiếu trong nền văn hóa Việt. Hơn 2.000 năm tồn tại ở Việt Nam, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Phật giáo đã góp phần hình thành những giá trị, chuẩn mực trong lối sống của người Việt Nam.

Chủ đề 29: Nêu các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH? Phân tích nguyên tắc: “Tôn trọng bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân” ? Liên hệ với Việt Nam hiện nay?

❖ Các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân
- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, phát huy những mặt tích cực của tôn giáo
- Phân biệt hai mặt chính trị và tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo
- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tôn giáo

❖ Phân tích nguyên tắc: “Tôn trọng bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân”

- Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.
- Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.
- Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh “ng nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, đội lốt tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc”. Thực tiễn cho thấy, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, đội lốt tôn giáo để thực

hiện các mưu đồ chính trị là thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch chống Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

❖ **Liên hệ với Việt Nam**

- Đặc điểm cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam
 - Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo
 - Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình; không có xung đột, chiến tranh tôn giáo
 - Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc
 - Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ
 - Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài
- Nội dung quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo
 - Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta
 - Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc
 - Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng
 - Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị
 - Về vấn đề theo đạo và truyền đạo
- Ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay:
 - Với dân tộc Việt Nam, không thể phủ nhận được rằng, Phật giáo là một trong những thành tố quan trọng góp phần làm nên bản sắc văn hóa dân tộc, là một phần không thể thiếu trong nền văn hóa Việt. Hơn 2.000 năm tồn tại ở Việt Nam, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Phật giáo đã góp phần hình thành những giá trị, chuẩn mực trong lối sống của người Việt Nam.

Chủ đề 30: Trình bày khái niệm của gia đình trong xã hội? Trình bày vị trí của gia đình trong xã hội? Liên hệ với Việt Nam hiện nay?

- **Khái niệm:** Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
 - + Quan hệ hôn nhân
 - + Quan hệ huyết thống
 - + Quan hệ nuôi dưỡng
 - **Vị trí**
 - Gia đình là **tế bào** của xã hội
- + GD là tế bào tự nhiên, là đơn vị cơ sở đầu tiên của xã hội.

- + GD sản xuất ra các tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất và tái sản xuất ra con người.
 - + Mỗi gia đình hạnh phúc hòa thuận thì cả cộng đồng và xã hội ổn định, phát triển.
 - Gia đình là **tổ ấm** của mỗi thành viên
 - + Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển.
 - + Sự yên ổn, hạnh phúc của gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội.
 - Gia đình là **cầu nối** giữa cá nhân và xã hội
 - + Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân.
 - + Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu QHXX của mỗi cá nhân, là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện QHXX.
- => XH thông qua GD để thể hiện vai trò, trách nhiệm đối với cá nhân và yêu cầu cá nhân thực hiện nghĩa vụ của mình đối với XH.

● Liên hệ

- **Biến đổi mô hình, kết cấu của gia đình:**

- + Gia đình Việt Nam hiện nay phần lớn là **gia đình hạt nhân** trong đó chỉ có một cặp vợ chồng và con cái. Xu hướng hạt nhân hóa gia đình ở Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng vì nhiều ưu điểm và hạn chế của nó. Gia đình hạt nhân tồn tại như một đơn vị độc lập, gọn nhẹ, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi xã hội.
- + Tuy nhiên, do mức độ liên kết huyết thống giảm sút và sự ngăn cách không gian giữa các gia đình nên khả năng hỗ trợ nhau về vật chất và tinh thần bị hạn chế, ảnh hưởng của thế hệ ít đi cũng làm giảm khả năng bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống gia đình.

- **Biến đổi chức năng gia đình:**

- + **Chức năng tái sản xuất ra con người:** Do chính sách kế hoạch hóa gia đình và đô thị hóa, số con trong gia đình giảm đi và nhiều gia đình còn quyết định không có con. Tư tưởng cần con trai nối dõi cũng giảm.

+ **Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:**

★ Từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa.

★ Từ đơn vị kinh tế đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường thành tổ chức kinh tế của nền thị trường hiện đại.

- + **Biến đổi chức năng giáo dục: Thay đổi vai trò** của các chủ thể trong gia đình: Ở các vùng nông thôn có xu hướng đề cao vai trò của người đàn ông hơn: ở các gia đình thành thị, việc giáo dục hiện nay đang chia đều cho cả cha mẹ và ông bà, theo đó người mẹ đang giữ vai trò ngày một rõ rệt hơn trong giáo dục.

+ **Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm:**

❖ Nhu cầu thỏa mãn tâm lý – tình cảm tăng lên do gia đình có xu hướng chuyển từ đơn vị kinh tế sang đơn vị tình cảm, tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình.

❖ Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc.

- Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.
 - Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình
 - Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.
 - Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.